

Số: 748 /QĐ-ĐHSPKTNĐ

Ninh Bình, ngày 03 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện
Học kỳ II năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 29/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 26/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy định thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ biên bản họp ngày 31/10/2025 của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện đối với sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

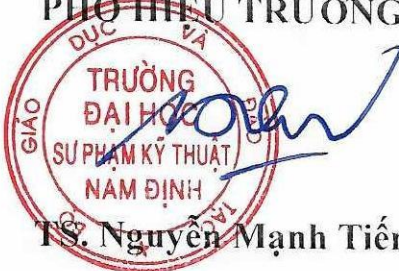
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện học kỳ II năm học 2024 - 2025 cho 89 SV Đại học (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng phòng Công tác SV, Trưởng khoa CNTT, Trưởng khoa Đ - ĐT, Trưởng khoa Cơ khí, Trưởng khoa Kinh tế, Cán bộ quản lý lớp và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (KT-TC: 4 bản);
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

T.S. Nguyễn Mạnh Tiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐK - 16;17;18,19 LTĐH - K17, 18
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 748/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	21D1080074	Trần Đình Đăng	ĐK - Ôtô 16B	4	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	ĐHCN K16/Khoa CK
2	21D1080092	Vũ Đình Quảng	ĐK - Ôtô 16B	4	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
3	21D1080111	Vũ Hoàng Vinh	ĐK - Ôtô 16B	4	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
4	21D1080095	Lã Hồng Quyết	ĐK - Ôtô 16B	4	94	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
5	21D1080050	Giang Văn Tuấn	ĐK - Ôtô 16A	4	92	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
6	21D1080101	Trần Năng Thành	ĐK - Ôtô 16B	4	92	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
7	21D1080065	Trần Hữu Cường	ĐK - Ôtô 16B	4	90	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
8	21D1040004	Nguyễn Hải Anh	ĐK - ĐKTD 16	4,00	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	ĐHCN K15/Khoa Đ-ĐI
9	21D1040010	Vũ Đức Duy	ĐK - ĐKTD 16	4,00	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
10	21D1040015	Bùi Vương Đình	ĐK - ĐKTD 16	4,00	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
11	21D1040049	Bùi Hải Việt	ĐK - ĐKTD 16	3,87	98	Xuất sắc	1,2	7.200.000	//
12	21D1010010	Phạm Huy Hiệp	ĐK - ĐDT 16	3,71	96	Xuất sắc	1,2	6.720.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
13	21D1100002	Nguyễn Hoàng Anh	ĐK - CNTT 16A	4,00	98	Xuất sắc	1,2	7.680.000	ĐHCN K16/Khoa CNTT
14	21D1100020	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ĐK - CNTT 16A	4,00	98	Xuất sắc	1,2	7.680.000	//
15	21D1100033	Tạ Tiến Thành	ĐK - CNTT 16A	3,88	90	Xuất sắc	1,2	7.680.000	//
16	21D1100078	Nguyễn Hữu Thắng	ĐK - CNTT 16B	3,68	96	Xuất sắc	1,2	9.120.000	//
17	21D1100060	Padymoua Hamoua	ĐK - CNTT 16B	3,68	94	Xuất sắc	1,2	9.120.000	//
18	22D1060007	Vũ Cường Thịnh	ĐH - CK 17	3,87	94	Xuất sắc	1,2	8.100.000	ĐHCN K16/Khoa CK
19	22D1060005	Vũ Duy Quang	ĐH - CK 17	3,87	90	Xuất sắc	1,2	8.100.000	//
20	22D1060004	Nguyễn Đức Nghiệp	ĐH - CK 17	3,73	88	Tốt	1,1	7.425.000	//
21	22D1150001	Trần Thái Học	ĐH - CTM 17	3,63	86	Tốt	1,1	7.920.000	//
22	22D1060008	Nguyễn Đức Thuận	ĐH - CK 17	3,53	90	Xuất sắc	1,1	7.425.000	//
23	22D1080029	Đoàn Minh Tân	ĐH - ÔTÔ 17A	3,53	86	Tốt	1,1	8.415.000	//
24	22D1040058	Phan Hồng Tuyên	ĐH - ĐKTĐ 17	4,00	98	Xuất sắc	1,2	9.180.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
25	22D1040052	Trần Tiến	ĐH - ĐKTĐ 17	3,88	98	Xuất sắc	1,2	9.180.000	//
26	22D1040026	Nguyễn Đức Hùng	ĐH - ĐKTĐ 17	3,88	94	Xuất sắc	1,2	9.180.000	//
27	22D1010017	Phạm Huy Quý	ĐH - ĐĐT 17	3,87	98	Xuất sắc	1,2	8.100.000	//
28	22D1040022	Đinh Thị Thu Hiền	ĐH - ĐKTĐ 17	3,76	96	Xuất sắc	1,2	9.180.000	//
29	22D1040029	Nguyễn Quang Hưng	ĐH - ĐKTĐ 17	3,65	90	Xuất sắc	1,2	9.180.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
30	22D1010007	Bùi Văn Giáp	ĐH - ĐĐT 17	4,00	86	Tốt	1,1	7.425.000	//
31	22D1100025	Lưu Hoàng Nhật	ĐH - CNTT 17	3,89	98	Xuất sắc	1,2	9.720.000	DHCN K17/Khoa CNTT
32	22D1100037	Mai Văn Thắng	ĐH - CNTT 17	3,67	98	Xuất sắc	1,2	9.720.000	//
33	23D1080026	Lê Thị Khánh Linh	ĐH - Ôtô 18A	3,89	97	Xuất sắc	1,2	11.232.000	DHCN K18/Khoa CK
34	23D1080059	Trần Sách Hiếu	ĐH - Ôtô 18B	3,89	94	Xuất sắc	1,2	11.232.000	//
35	23D1050005	Trịnh Đình Tú	ĐH - CTM 18	3,89	94	Xuất sắc	1,2	11.232.000	//
36	23D1150001	Lại Trọng Bách	ĐH - CĐT 18	3,78	98	Xuất sắc	1,2	11.232.000	//
37	23D1040011	Nguyễn Ngọc Đạt	ĐH - ĐKTĐ 18	3,89	100	Xuất sắc	1,2	11.232.000	DHCN K18/Khoa Đ-ĐT
38	23D1040033	Trần Hữu Lộc	ĐH - ĐKTĐ 18	3,78	94	Xuất sắc	1,2	11.232.000	//
39	23D1040024	Trần Công Hồi	ĐH - ĐKTĐ 18	3,56	100	Xuất sắc	1,1	10.296.000	//
40	23D1040036	Trần Công Minh	ĐH - ĐKTĐ 18	3,56	88	Tốt	1,1	10.296.000	//
41	23D1040014	Đoàn Ngọc Đình	ĐH - ĐKTĐ 18	3,50	92	Xuất sắc	1,1	10.296.000	//
42	23D1040001	Phạm Đức Anh	ĐH - ĐKTĐ 18	3,28	98	Xuất sắc	1,1	10.296.000	//
43	23D1190003	Lê Duy Mạnh	ĐH - CNTT 18	3,35	90	Xuất sắc	1,1	9.724.000	DHCN K18/Khoa CNTT
44	23D1100028	Đỗ Công Thành	ĐH - CNTT 18	3,24	86	Tốt	1,1	9.724.000	//
45	24D1100038	Phạm Ngọc Minh	ĐH - CNTT 19	3,83	92	Xuất sắc	1,2	7.488.000	DHCN K19/Khoa CNTT
46	24D1100012	Vũ Đức Duy	ĐH - CNTT 19	3,58	86	Tốt	1,1	6.864.000	//

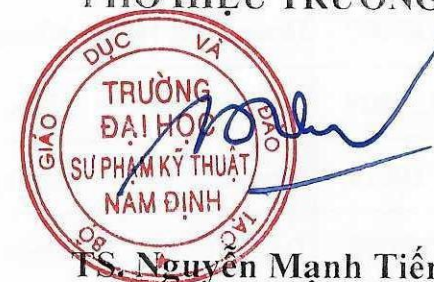
STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
47	24D1100018	Trần Minh Đức	ĐH - CNTT 19	3,42	88	Loại	1,1	6.864.000	//
48	24D1100009	Nguyễn Chí Cường	ĐH - CNTT 19	3,33	96	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//
49	24D1100024	Trần Đình Hùng	ĐH - CNTT 19	3,33	96	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//
50	24D1150003	Trần Đức Mạnh	ĐH - CĐT 19	3,58	96	Xuất sắc	1,1	6.864.000	ĐHCN K19/Khoa CK
51	24D1080052	Trần Minh Đức	ĐH - Ô tô 19B	3,42	97	Tốt	1,1	6.864.000	//
52	24D1080023	Vũ Ngọc Khuê	ĐH - Ô tô 19A	3,42	90	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//
53	24D1060002	Vũ Nguyễn Mạnh Cường	ĐH - CK 19	3,33	92	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//
54	24D1150005	Phạm Minh Quân	ĐH - CĐT 19	3,25	90	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//
55	24D1080037	Nguyễn Như Thanh Tùng	ĐH - Ô tô 19A	3,17	94	Xuất sắc	1	6.240.000	//
56	24D1150004	Nguyễn Đức Phúc	ĐH - CĐT 19	3,17	92	Xuất sắc	1	6.240.000	//
57	24D1050012	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH - CTM 19	3,08	98	Xuất sắc	1	6.240.000	//
58	24D1080042	Cao Xuân Bách	ĐH - Ô tô 19B	3,00	96	Xuất sắc	1	6.240.000	//
59	24D1040036	Vũ Công Toàn	ĐH - ĐKTĐ 19A	3,75	98	Xuất sắc	1,2	7.488.000	ĐHCN K19/Khoa Đ-ĐT
60	24D1010015	Trần Lưu Huy Hoàng	ĐH - ĐĐT 19	3,67	94	Xuất sắc	1,2	7.488.000	//
61	24D1040032	Trịnh Ngọc Sang	ĐH - ĐKTĐ 19A	3,58	86	Tốt	1,1	6.864.000	//
62	24D1010033	Đoàn Minh Tân	ĐH - ĐĐT 19	3,50	90	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//
63	24D1040059	Phạm Anh Tuấn	ĐH - ĐKTĐ 19B	3,42	92	Xuất sắc	1,1	6.864.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
64	24D1040016	Nguyễn Mạnh Hùng	ĐH - ĐKTD 19A	3.25	98	Xuất sắc	1.1	6.864.000	//
65	24D1020009	Hoàng Thị Ngọc Lan	ĐH - KTD 19	3.25	98	Xuất sắc	1.1	6.864.000	//
66	24D1020004	Nguyễn Công Du	ĐH - KTD 19	3.25	96	Xuất sắc	1.1	6.864.000	//
67	24D1040015	Nguyễn Xuân Hội	ĐH - ĐKTD 19A	3.08	84	Tốt	1	6.240.000	//
68	24D1010034	Trần Phương Thảo	ĐH - ĐĐT 19	3.00	96	Xuất sắc	1	6.240.000	//
69	21D1120012	Vũ Khánh Linh	ĐK - QTKD 16	4.00	96	Xuất sắc	1.2	5.880.000	ĐHCN K16/Khoa KT
70	21D1110007	Vũ Thị Huế	ĐK - KT 16	4.00	90	Xuất sắc	1.2	5.880.000	//
71	22D1120007	Võ Ngọc Yến Nhi	ĐH - QTKD 17	4.00	94	Xuất sắc	1.2	8.640.000	ĐHCN K17/Khoa KT
72	22D1110015	Phạm Phương Nhung	ĐH - KT 17	4.00	92	Xuất sắc	1.2	8.160.000	//
73	22D1110014	Trần Thị Kim Ngân	ĐH - KT 17	4.00	90	Xuất sắc	1.2	8.160.000	//
74	23D1120002	Vũ Thị Anh	ĐH - QTKD 18	3.61	94	Xuất sắc	1.2	9.720.000	ĐHCN K18/Khoa KT
75	23D1120013	Bùi Thanh Thư	ĐH - QTKD 18	3.61	94	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
76	24D1180002	Hoàng Thị Hồng Nhung	ĐH - LGT 19	4.00	96	Xuất sắc	1.2	6.120.000	ĐHCN K19/Khoa KT
77	24D1120009	Ngô Thị Bích Ngọc	ĐH - QTKD 19	3.80	96	Xuất sắc	1.2	6.120.000	//
78	23LC110018	Nguyễn Cao Cường	LTDH - CNTT 17	3.68	94	Xuất sắc	1.2	15.600.000	ĐHLT K17/Khoa CNTT
79	23LS108008	Trần Vũ Thiện	LTDH - Ô tô 17	3.45	86	Tốt	1.1	11.440.000	ĐHLT K17/Khoa CK
80	23LS114017	Trần Văn Duy	LTDH - HTD 17	3.55	86	Tốt	1.1	12.584.000	ĐHLT K17/Khoa Đ-ĐT

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
81	24LC110003	Mai Văn Đức	LTĐH - CNTT 18	3,56	86	Tốt	1.1	10.208.000	ĐHLT K18/Khoa CNTT
82	24LS108009	Vũ Văn Vụ	LTĐH - Ôtô 18	3,86	96	Xuất sắc	1.2	9.744.000	ĐHLT K18/Khoa CK
83	24LS101004	Trần Đức Hiếu	LTĐH - ĐĐT 18	4,00	96	Xuất sắc	1.2	9.744.000	ĐHLT K18/Khoa Đ-ĐT
84	23LC111003	Nguyễn Thị Hà	LTĐH - KT 17	3,88	92	Xuất sắc	1.2	13.500.000	ĐHLT K17/Khoa KT
85	23LC111032	Đặng Thị The	LTĐH - KT 17	3,90	86	Tốt	1.1	9.900.000	//
86	24LC111004	Vũ Thị Thu Hà	LTĐH - KT 18	3,71	94	Xuất sắc	1.2	10.404.000	ĐHLT K18/Khoa KT
87	24LC111011	Nguyễn Thị Liễu	LTĐH - KT 18	3,60	94	Xuất sắc	1.2	9.180.000	//
88	24LC111031	Trần Thị Thanh	LTĐH - KT 18	3,90	84	Tốt	1.1	11.220.000	//
89	24LC111028	Trần Thị Phượng Kiều	LTĐH - KT 18	3,75	84	Tốt	1.1	13.464.000	//
Tổng cộng:								751.726.000	

Ấn định danh sách 89 sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Mạnh Tiến